

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013; Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017 và Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch. Văn bản số 1565/UBND-NĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Cao Bằng Về việc cho chủ trương lập kế hoạch sử dụng đất tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021- 2025 cấp tỉnh; Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

Phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Quảng Hòa thời kỳ 2021-2030, đã tính toán phân bố đất theo nhu cầu của các ngành lĩnh vực, trong đó có cập nhật các dự án, công trình đã được: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua nhưng chưa thực hiện được trong các năm kế hoạch; UBND tỉnh, Sở ngành chấp thuận chủ trương đầu tư; Các dự án đã có văn bản cho nghiên cứu, khảo sát, đề xuất thực hiện; Các dự án nhà đầu tư đang đề xuất nghiên cứu; Xác định các khu chức năng sử dụng đất, đặc biệt là khai thác quỹ đất ven đường Quốc lộ 3, tỉnh lộ 205, 206, 207, ven trục đường giao thông chính, ven đường quy hoạch mở mới, các khu vực có tiềm năng phát triển (*đường huyện, đường trung tâm xã*), khu vực đô thị phát triển động lực đặc biệt là khu trung tâm huyện lỵ huyện Quảng Hòa và khu kinh tế cửa khẩu, đảm bảo phát triển kinh tế công nghiệp, thương mại dịch vụ - du lịch, phát triển kinh tế nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực, đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Quảng Hòa thời kỳ 2021-2030 và là tiền đề phát triển những năm tiếp theo ...

Nội dung báo cáo quy hoạch gồm 04 phần và Hệ thống biểu gồm 08/08 Biểu (Biểu số 01/CH, 02/CH, 03/CH, 04/CH, 05/CH, 10/CH, 11/CH, 12CH) theo đúng quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Quảng Hòa là một huyện miền núi nằm ở phía Đông của tỉnh Cao Bằng, cách thành phố Cao Bằng khoảng 28 km theo đường Quốc lộ 3.

Có phạm vi hành chính như sau:

- + Phía Đông giáp huyện Hạ Lang và giáp Quảng Tây, Trung Quốc
- + Phía Tây giáp huyện Hòa An
- + Phía Nam giáp huyện Thạch An
- + Phía Bắc giáp các huyện Trùng Khánh

Quảng Hòa có diện tích đất tự nhiên 66.894,6 ha.

Theo Nghị quyết số 864/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc Tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 897/NQ-UBTVQH14 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và đổi tên đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng. Nay huyện Quảng Hòa là sự sáp nhập của toàn bộ huyện Phục Hòa cũ và xã Quốc Toàn thuộc huyện Trà Lĩnh cũ, gồm 19 đơn vị hành chính gồm 03 thị trấn và 16 xã.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

Căn cứ nguồn số liệu phát triển kinh tế xã hội được đánh giá tại Báo cáo Chính trị Đại hội đảng bộ huyện Quảng Hòa lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025. Kết quả một số chỉ tiêu kinh tế xã hội của huyện đến năm 2020 đạt được như sau:

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: Bình quân giai đoạn đạt 42.180 tấn/năm, tăng 2,3%/năm.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp/ha: 52 triệu đồng.
- Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực cá thể (giá so sánh 2010): 50,58 tỷ đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn: Bình quân giai đoạn 109,7 tỷ đồng/năm giảm bình quân 4,5%/năm.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3,71%/năm.
- Giảm tỷ lệ trẻ em SDD dưới 5 tuổi 0,37%.
- Xây dựng các danh hiệu và thiết chế văn hóa:
 - + Gia đình văn hóa: 82,1%;
 - + Khu dân cư văn hóa: 76,1%;
 - + Cơ quan, đơn vị văn hóa: 95,9%;
 - + Tỷ lệ khu dân cư có nhà văn hóa: 86,7%.
- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện: 99,9%.
- Xây dựng trường chuẩn Quốc gia: 12 trường.
- Duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 2.
- Xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế là 8 xã.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 29%.
- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia BHXH đạt 12,54%.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHXH đạt 98,5%.
- Tỷ lệ che phủ rừng: 56,5%.

- Tỷ lệ dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ở thành thị đạt 99,5% và nông thôn đạt 98%.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

Trên cơ sở những xu hướng diễn biến và các kịch bản BĐKH đã xảy ra và ảnh hưởng của BĐKH trong tương lai, khả năng xảy ra liên quan đến khí tượng, thủy văn của tỉnh Cao Bằng cũng như là huyện Quảng Hòa nói riêng là xác định được. BĐKH thể hiện ở: Biến đổi về nhiệt độ; Biến đổi về lượng mưa; từ các hình thái biến đổi này sẽ là tác nhân ảnh hưởng đời sống sinh hoạt của con người.

Quảng Hòa là huyện miền núi cách xa biển nên không bị tác động trực tiếp của nước biển dâng, xâm nhập mặn. Nhưng BĐKH ảnh hưởng rất lớn đến đời sống sinh hoạt của người dân. Trong những năm qua việc nhiệt độ tăng, thời tiết nắng nóng kéo dài phá vỡ kết cấu đất đai bề mặt và ảnh hưởng đến thảm thực vật bề mặt, ảnh hưởng đến quá trình trồng trọt và chăn nuôi của người dân do nắng nóng kéo dài gây hạn hán cục bộ, trồng trọt hoa màu thì thất thi, chăn nuôi không hiệu quả do phải bỏ nhiều chi phí, hiệu quả sản xuất thấp. BĐKH gây mưa lớn đột ngột sau khi khô hạn kéo dài đã gây ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất ở những địa hình dốc, người dân bị mất đất sản xuất, mưa lũ đã rửa trôi lớp đất canh tác để lại lớp đất bạc màu gây khó khăn trong việc sử dụng đất.

PHẦN II TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Công tác quản lý đất đai luôn được UBND huyện Quảng Hòa chú trọng và dần đi vào nề nếp, đất đai được quản lý tốt theo yêu cầu của Luật Đất đai năm 2013, đã hình thành hệ thống quản lý đất đai từ huyện đến cấp xã, đảm bảo việc quản lý đất đai theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Công tác quản lý nhà nước về đất đai của huyện thông qua quy hoạch sử dụng đất, đất đai được phân bổ theo nhu cầu sử dụng đất của các Ngành, các Thành phần kinh tế ... theo nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn trong những năm qua.

Kinh tế - xã hội phát triển nhanh, quá trình công nghiệp hóa, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, nhu cầu đất đai cho các thành phần kinh tế phát triển đang là thách thức lớn trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Đồng thời phải đẩy mạnh công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và xây dựng hệ thống thủ tục hành chính về đất đai từ Quyết định phê duyệt, Văn bản thực hiện, Cơ chế, Chính sách cũng như con người và Ứng dụng số hóa, công nghệ thông tin để thực hiện công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch theo quy định của Pháp luật và đáp ứng tốt yêu cầu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong lĩnh vực đất đai ...

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

2.1. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

Bảng: So sánh kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch kỳ trước

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2010 (ha)	Điều chỉnh QH đến năm 2020	Kết quả thực hiện KH năm 2020 (ha)	So sánh Tăng (+), giảm (-)	So sánh Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(6)-(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		66.897,01	66.895,05	66.894,61	-2,40	-0,44
1	Đất nông nghiệp	NNP	61.033,79	61.435,29	62.145,19	1.111,40	709,90
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.914,54	4.813,16	4.691,40	-223,14	-121,76
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa</i>	LUC		15,70	2,30	2,30	-13,40
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7.721,49	8.076,09	8.665,21	943,72	589,12
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	188,53	133,96	230,92	42,39	96,96
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	42.627,46	36.221,52	36.790,87	-5.836,59	569,35
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	725,31	481,20	464,82	-260,49	-16,38
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.126,90	11.607,23	11.234,78	8.107,88	-372,45
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	62,41	58,70	65,96	3,55	7,27
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,24	43,44	1,23	0,99	-42,21
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.852,25	4.106,56	3.726,85	-125,40	-379,71
2.1	Đất quốc phòng	CQP	132,53	300,06	159,05	26,52	-141,01
2.2	Đất an ninh	CAN	1,69	19,55	1,75	0,06	-17,80
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			0,72	0,72	0,72
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				0,00	0,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN		25,50		0,00	-25,50
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		65,01	2,23	2,23	-62,78
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	109,79	47,40	134,39	24,60	86,99
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	37,15	55,86	45,85	8,70	-10,01
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.666,32	1.800,34	1.666,66	0,34	-133,68
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	0,02	13,58	0,13	0,11	-13,45
2.11	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL		57,75			-57,75
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,40	50,64	33,56	25,16	-17,08
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	674,69	610,97	629,99	-44,70	19,02
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	183,86	228,41	179,42	-4,44	-48,99
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,14	20,69	15,04	-3,10	-5,65
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		1,79	0,43	0,43	-1,36
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN				0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON		3,10	3,37	3,37	0,27
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	96,48	114,92	100,59	4,11	-14,33
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	7,98	14,41	20,65	12,67	6,24
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH		8,92	8,33	8,33	-0,59

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2010 (ha)	Điều chỉnh QH đến năm 2020	Kết quả thực hiện KH năm 2020 (ha)	So sánh Tăng (+), giảm (-)	So sánh Tăng (+), giảm (-)
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		4,55	3,52	3,52	-1,03
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,56	3,99	5,29	-0,27	1,30
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	908,77	601,45	622,21	-286,56	20,76
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,87	52,53	93,40	92,53	40,87
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK		5,12	0,30	0,30	-4,82
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.010,97	1.353,20	1.022,58	-988,39	-330,62

* *Biến động tăng, giảm diện tích các loại đất ngoài nguyên nhân tăng giảm theo quy hoạch, còn biến động do thay đổi địa giới hành chính qua các năm.*

2.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

2.2.1. Những mặt được

- Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để Nhà nước thực hiện quyền định đoạt của mình về đất đai (*thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* ...). Đồng thời tăng thu ngân sách từ đất đai để phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Trong những năm qua huyện đã lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Thực hiện tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất và phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã; Đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất đai cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đối tượng sử dụng; làm cơ sở pháp lý để thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất của huyện Quảng Hòa.

2.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân thực hiện quy hoạch kỳ trước

- Từ kết quả sử dụng đất năm 2020 so với hiện trạng sử dụng đất năm 2010 và so với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Quảng Hòa cho thấy:

Đất phi nông nghiệp đạt thấp so với điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được phê duyệt là 4.106,56 ha. Cho thấy sự chuyển dịch trong phát triển kinh tế của huyện còn chậm, thể hiện ở:

+ Đất quốc phòng điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được phê duyệt là 300,06 ha, nhưng mới chỉ thực hiện được 159,05 ha, thấp hơn 141,01 ha.

+ Đất an ninh điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được phê duyệt là 19,55 ha, nhưng mới chỉ thực hiện được 1,75 ha, thấp hơn 17,80 ha.

+ Đất cụm công nghiệp điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được phê duyệt là 25,50 ha, nhưng hiện chưa thực hiện được chỉ tiêu đất này.

+ Đất thương mại dịch vụ điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được phê duyệt là 65,01 ha, nhưng mới thực hiện được 2,23 ha, thấp hơn 62,78 ha.

+ Đất cho hoạt động khoáng sản: Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được phê duyệt là 55,86 ha, nhưng mới thực hiện được 45,85 ha, thấp hơn 10,01 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 được phê duyệt là 1.800,34 ha, nhưng mới thực hiện được 1.666,66 ha, thấp hơn 133,68 ha.

- Việc quảng bá các dự án đầu tư chưa hấp dẫn, vốn đầu tư hạn chế, chưa theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội, đôi khi còn bị động trong quá trình lập quy hoạch sử dụng đất.

- Do diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trên người và vật nuôi, đặc biệt là đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, tập trung nhiều nguồn lực cho công tác phòng, chống đại dịch, phải điều chỉnh một số chính sách về thuế... đã tác động không nhỏ đến thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm.

- Các công trình được thực hiện chủ yếu có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các công trình huy động vốn do nhân dân đóng góp còn hạn chế nên không chủ động được nguồn vốn đầu tư.

- Việc xây dựng kế hoạch còn chưa sát thực tế, khả năng phát triển thực tế tại địa phương nên trong quá trình thực hiện quy hoạch đã phát sinh hạng mục mới, đồng thời một số hạng mục không thực hiện được.

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai nên phải lùi tiến độ thực hiện.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số địa điểm có hạng mục quy hoạch gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng... Kết quả thực hiện đất phi nông nghiệp thấp so với chỉ tiêu quy hoạch.

III. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

3.1. Tiềm năng đất cho phát triển nông nghiệp

Để phát triển toàn diện ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc là động lực để tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhằm tạo khối lượng nông lâm sản lớn, ổn định đáp ứng nhu cầu trong và ngoài huyện cần khai thác tốt tiềm năng bên trong các loại đất đang sử dụng, chuyển đổi cơ cấu các loại đất cho phù hợp. Đối với đất trồng lúa cần tập trung đầu tư thâm canh tăng vụ. Khai thác tốt quỹ đất chưa sử dụng (có thể đáp ứng các chỉ tiêu cho đất nông nghiệp) nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu cho ngành nông nghiệp theo đúng mục tiêu phát triển kinh tế của huyện.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp đã khai thác đưa vào sử dụng đến 2020 là 62.145,19 ha; cơ bản đúng mục đích, hiệu quả sử dụng đất ngày càng tăng nhưng chưa cao, chưa phát huy hết tiềm năng của đất đai. Trong giai đoạn 2021-2030 đất sản xuất nông nghiệp có khả năng mở rộng vì diện tích đất bằng chưa sử dụng vẫn còn khá nhiều, nhưng đồng thời cũng sẽ chuyển một số diện tích đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp.

- Tiềm năng đất đai cho phát triển tăng diện tích đất trồng cây hàng năm được khai thác từ đất chưa sử dụng, đất trồng rừng phòng hộ. Phục vụ cho các mục đích trồng lúa, ngô, đậu, lạc, mía, cây công nghiệp ngắn ngày, đất cỏ chăn nuôi.

- Tiềm năng đất đai phát triển đất trồng cây lâu năm khả năng mở rộng được khai thác từ đất chưa sử dụng và chuyển đổi từ đất trồng cây hàng năm còn lại sang. Phục vụ cho mục đích trồng cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả.

Hiện trạng đất sản xuất lâm nghiệp có 48.490,47 ha; trong đó: Đất rừng sản xuất 11.234,78 ha, đất rừng phòng hộ 36.790,87 ha, đất rừng đặc dụng 464,82 ha.

Đối với đất lâm nghiệp: Khoanh nuôi, bảo vệ tốt rừng tự nhiên hiện có. Thực hiện tốt các biện pháp lâm sinh làm giàu rừng: trồng cây phân tán trong rừng tự nhiên bằng các loài cây bản địa như xoan ta, xoan hôi, cáng lò, các loài cây họ re, họ dẻ... mỗi năm trồng trên 100.000 cây; trồng các cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng như cây dược liệu, cây làm thực phẩm, cây làm đồ thủ công mỹ nghệ... mỗi năm trồng trên 200.000 cây. Khai thác cây lâm sản ngoài gỗ theo quy định, theo hướng bền vững.

Đất nuôi trồng thủy sản hiện có: 65,96 ha là những ao, hồ, đầm tập trung chủ yếu ở các xã Phi Hải, Độc Lập, Tự Do, Chí Thảo, Tiên Thành, Thị trấn Quảng Uyên. Đối với đất nuôi trồng thủy sản trong tương lai cần đầu tư thâm canh diện tích hiện có, khai thác diện tích mặt nước chưa sử dụng và tận dụng mặt nước chuyên dùng thủy lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản tăng sản phẩm cho xã hội. Với chủ trương chung của huyện thì có thể đưa một số diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả kinh tế để chuyển sang mục đích nuôi trồng thủy sản cho hiệu quả kinh tế cao hơn, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân và khai thác tốt tiềm năng sẵn có.

Nhìn chung đất đai huyện Quảng Hòa có khả năng đáp ứng được nhiều hình thái sử dụng đất khác nhau. Việc phát triển sản xuất nông nghiệp trong những năm tới cần được đầu tư khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, gắn kết khoa học kỹ thuật, và hướng dẫn kỹ thuật cho người lao động, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm hàng hóa nông nghiệp.

3.2. Tiềm năng đất đai cho phát triển phi nông nghiệp

- Quảng Hòa là huyện Miền núi, có địa hình khá phức tạp với các vùng địa hình khác nhau, thấp dần theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, với độ cao trung bình 300m so với mực nước biển, cao nhất là ở khu vực xã Phi Hải (845m), thấp nhất là

khu vực thị trấn Tà Lùng (125m), tại khu vực thị trấn này tương đối bằng phẳng, địa hình đồi bát úp xen kẽ các thung lũng bằng. Độ dốc $\geq 30\%$ chiếm khoảng 29,59% diện tích đất tự nhiên, độ dốc trung bình từ 8%-30% chiếm khoảng 51,2%, độ dốc $\leq 8\%$ chiếm khoảng 19% diện tích tự nhiên. Loại đất chủ yếu trên địa bàn là đất xám chiếm 66% diện tích tự nhiên, đất nâu chiếm khoảng 6% diện tích tự nhiên, đất sỏi mòn tro sỏi đá chiếm 9%... Với địa hình của huyện như vậy là khá phức tạp nên việc đầu tư xây dựng luôn được tính toán tận dụng những khu vực đất đai tương đối bằng phẳng để xây dựng, nhưng gặp khó khăn trong đầu tư xây dựng là phát sinh chi phí lớn.

- Với vị trí thuận lợi là cửa ngõ khu vực miền đông của tỉnh Cao Bằng, hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu được đầu tư xây dựng đồng bộ, với nhiều dự án lớn đang được triển khai. Vì vậy trong giai đoạn tới huyện cần dành quỹ đất cho đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành một số công trình đã có chủ trương xây dựng.

- Trong giai đoạn tới huyện đang hoàn thành xây dựng đô thị Phục Hòa đạt tiêu chí đô thị loại IV; đầu tư cơ sở hạ tầng để hoàn thiện thêm các tiêu chí đô thị loại IV đô thị Quảng Uyên nên việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội là hết sức cần thiết và quan trọng.

- Ngoài ra trên địa bàn huyện có tiềm năng phát triển du lịch, đến nay đã đưa vào khai thác 3 điểm du lịch cộng đồng (Pắc Rằng, Phia Thấp xã Phúc Sen và Bản Giông xã Tiên Thành). Trong giai đoạn tới huyện tiếp tục xây dựng và triển khai các đề án phát triển du lịch như Khu du lịch Ngườm Lồm – Nặm Khau xã Mỹ Hưng, một số khu du lịch cộng đồng ở xã Độc Lập...

PHẦN III PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Quảng Hòa lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025. Thực hiện các nội dung của Nghị quyết trong: các chương trình trọng tâm và nhiệm vụ đột phá; Nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành để khai thác tiềm năng, thế mạnh của huyện Quảng hòa trong lĩnh vực nông lâm nghiệp; công nghiệp - xây dựng; thương mại dịch vụ - du lịch; Huy động các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển kinh tế, xây dựng huyện Quảng Hòa trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của khu vực miền Đông tỉnh Cao Bằng. Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là khu vực nông thôn. Giảm nghèo nhanh, bền vững, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường để phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn 2021-2030:

- Tốc độ tăng trưởng trên 10%/năm. Đến năm 2030 cơ cấu kinh tế của huyện: Nông, lâm, ngư nghiệp 32%; Công nghiệp – xây dựng 37%; Thương mại – dịch vụ 31%.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp/1ha: 57 triệu đồng/ha.
- Giá trị sản xuất công nghiệp: 770 tỷ đồng, trong đó: khu vực cá thể đạt 120 tỷ đồng, khu vực doanh nghiệp 650 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người là 55 triệu đồng/năm.
- Tổng sản lượng lương thực là trên 45.000 tấn.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 12%/năm.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm trung bình 5%/năm.
- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi: 0,4%/năm.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 50-60%.
- Tỷ lệ tham gia BHXH trong độ tuổi lao động: 47%.
- Gia đình văn hóa: 88%.
- Khu dân cư văn hóa: 85%.
- Cơ quan, đơn vị văn hóa: 98%.
- Tỷ lệ khu dân cư có nhà văn hóa: 100%.

- Số xã đạt và duy trì, nâng cáo chất lượng thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã là 19/19 xã, thị trấn.
- Số bác sỹ/vạn dân: 17 bác sỹ.
- Tỷ lệ số trường đạt chuẩn quốc gia đạt trên 60%.
- Duy trì phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập tiểu học (mức độ 3) và bậc THCS (mức độ 3).
- Tỷ lệ dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh ở thành thị đạt 100%; nông thôn 100%.
- Tỷ lệ che phủ rừng 60%.
- Tỷ lệ hộ di dời gia súc ra khỏi gầm sàn 100%.

1.2. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.

Trên cơ sở tính toán khai thác tiềm năng đất đai đáp ứng nhu cầu phát triển Nông nghiệp; Công nghiệp xây dựng; Thương mại dịch vụ du lịch. Đưa ra được các định hướng sử dụng đất đai theo phân khu chức năng các ngành, lĩnh vực nhằm phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững (*các công trình dự án cụ thể được phân theo từng loại đất theo quy định Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định*).

1.2.1. Định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

+ *Về lâm nghiệp*: Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, tập trung bảo vệ khoanh nuôi tái sinh rừng. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, trồng một số loài cây lấy gỗ như xoan, lát, dổi... tại những vùng có điều kiện. Thực hiện các dự án phát triển các cây dược liệu, phân đấu diện tích trồng mới cây dược liệu đạt trên 50 ha.

+ *Về trồng trọt*: Tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa. Tuyên truyền hướng dẫn nông dân áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, thường xuyên thăm đồng, chăm sóc và phát hiện sâu bệnh. Đối với các sản phẩm chủ lực, tập trung vào sử dụng giống mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, đầu tư thâm canh nâng cao năng suất và thu nhập, tạo sản phẩm có chất lượng tốt và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Chỉ mở rộng diện tích trồng mới ở những nơi có đất đai tập trung, có điều kiện đầu tư thâm canh. Tập trung thâm canh nâng cao năng suất cây mía nguyên liệu khoảng 2.400 ha (Đại Sơn, thị trấn Hòa Thuận, Hạnh Phúc...); cây lúa khoảng 3.200 ha đảm bảo an ninh lương thực và trồng lúa hàng hóa chất lượng cao như nếp hương, nếp liệu, DS1...200 ha tại Phi Hải, Độc Lập, Tiên Thành, Bế Văn Đàn...; cây ăn quả với diện tích 600 ha (mít, bưởi, tram đen, nhãn, hồng, dổi... tại Đại Sơn, Hòa Thuận và Hạnh Phúc); cây chè với diện tích 100 ha (Độc Lập, Cai Bộ, Phúc Sen); Vùng trồng rau trên 100 ha (Quảng Hưng và Bế Văn Đàn) trong đó

rau hữu cơ 50 ha, Thuốc lá 200 ha (Độc Lập, Phi Hải, Cai Bộ...), lạc hàng hóa 200 ha (Cai Bộ, Ngọc Động...); Vùng trồng dứa 500 ha (Đại Sơn, Hòa Thuận...), Thanh Long ruột đỏ 500 ha (Hòa Thuận, Hạnh Phúc...)...

+ *Về chăn nuôi*: Phát triển chăn nuôi tập trung đạt 40-50% tổng giá trị sản phẩm chăn nuôi; chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi theo hướng rút ngắn chu kỳ, giảm thời gian luân chuyển đàn, đảm bảo an toàn sinh học; thúc đẩy tốc độ tăng trưởng đàn trâu bò, hàng năm vỗ béo trâu bò trên 12.000 con, trâu bò cái sinh sản trên 8000 con, dần hình thành vùng sản xuất trâu bò giống để bước đầu đáp ứng giống trâu bò phục vụ chăn nuôi nhất là nuôi vỗ béo tại địa phương. Khuyến khích các hộ nuôi trâu bò gia công cho các tổ chức, cá nhân. Khuyến khích hình thành các công ty, HTX trang trại, hộ gia đình áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao (dê, lợn, gà, cá lồng...). Đồng thời nâng cao năng lực sản xuất con giống tại chỗ, góp phần tăng thu nhập từ bán trâu, bò thương phẩm. tăng quy mô đàn lợn, gia cầm... Phối hợp với dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến công nghệ cao phát triển đàn bò sữa quy mô trang trại đạt 10.000 con. Xây dựng vùng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi phục vụ dự án như: trồng cỏ, ngô sinh khối tại các vùng lân cận khu vực dự án.

+ *Về Thủy sản*: Sử dụng có hiệu quả diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản. Phát triển mạnh nuôi cá lồng, nuôi thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng, chú trọng phát triển nuôi cá loại đặc sản gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.

1.2.2. Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp

*** Định hướng sử dụng đất khu dân cư**

Định hướng phát triển các khu dân cư của huyện Quảng Hòa được hình thành theo 2 khu vực:

- **Khu vực nông thôn**: Đất khu dân cư nông thôn là đất chủ yếu để xây dựng nhà ở, các công trình phục vụ cho đời sống, các công trình công cộng, đất nông nghiệp gắn liền với nhà ở và các loại đất khác thuộc phạm vi ranh giới khu dân cư nông thôn trong địa giới hành chính các xã. Định hướng đến năm 2030 phát triển các khu dân cư tập trung, không phát triển manh mún để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất lao động, giá trị sản phẩm nông nghiệp cải thiện đời sống nhân dân. Đến năm 2030 diện tích đất ở tại nông thôn của huyện là 646,16 ha.

- **Khu vực đô thị**: Đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, mở rộng quy mô và chỉnh trang đô thị theo hướng hiện đại:

+ Mở rộng diện tích không gian đô thị.

+ Hình thành khu đô thị mới tập trung dân cư, hình thành hệ thống chợ và các điểm thương mại, dịch vụ, bưu chính viễn thông đi kèm.

+ Hình thành khu vực hành chính tập trung của huyện để đảm bảo thuận lợi cho sự phối hợp và triển khai công việc.

+ Chinh trang cơ sở hạ tầng đô thị trên địa bàn huyện theo hướng đô thị hiện đại, bao gồm: Xây dựng cải tạo hệ thống giao thông nội thị (lát vỉa hè, hệ thống cống rãnh), hoàn thiện hệ thống đèn điện đường trên các con phố của thị trấn, khu rác thải tập trung.

Đến năm 2030 diện tích đất ở tại đô thị của huyện là 182,13 ha.

- **Định hướng sử dụng đất quốc phòng:** Trong kỳ quy hoạch sử dụng đất huyện Quảng Hòa, nhu cầu sử dụng đất quốc phòng tăng thêm, đảm bảo đủ diện tích đất theo định hướng quy hoạch đất quốc phòng đến năm 2030 là 257,30 ha.

- **Định hướng sử dụng đất an ninh:** Để từng bước thực hiện và cụ thể hóa Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Văn bản số 1066/BCA-H02 ngày 26/3/2020 của Bộ Công an về Quy hoạch, bố trí quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn thuộc Bộ Công an trên toàn quốc; Căn cứ Kế hoạch số 3541/KH-CAT-PH10 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Công an tỉnh Cao Bằng về việc làm việc với UBND huyện, thành phố để rà soát, xác định vị trí, địa điểm xây dựng trụ sở Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Huyện Quảng Hòa đã bố trí quỹ đất cho xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Đến năm 2030 diện tích đất an ninh trên địa bàn huyện là 21,11 ha.

- **Định hướng sử dụng đất cụm công nghiệp:** Trong những năm tới để phát triển ngành công nghiệp và thủ công nghiệp tương xứng với các mục tiêu đã đề ra, huyện cần phải phát huy tối đa các nguồn lực nhằm giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao mức sống và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng theo hướng ngày càng tiến bộ. Đồng thời thu hút các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế đầu tư vào huyện nhất là đầu tư các cơ sở chế biến nông sản, thực phẩm, lâm sản và cơ sở chế biến dược liệu, ...quản lý và đào tạo cho các tổ chức, cá nhân thực hiện khai thác tài nguyên khoáng sản...; tạo điều kiện để các cơ sở tiểu thủ công nghiệp có vị trí, uy tín trên thị trường, sản xuất kinh doanh có lãi. Phát triển cụm công nghiệp trên cơ sở đổi mới và phát triển nguồn nhân lực, gắn với phát triển nông nghiệp, dịch vụ và bảo vệ môi trường, thu hút mạnh lao động. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế thủ công nghiệp, xem đây là như một giải pháp để phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ 2021 - 2030. Đất cụm công nghiệp huyện Quảng Hòa đến năm 2030 là 25 ha (Cụm công nghiệp Miền đông ở thị trấn Tà Lùng).

- **Định hướng sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản:** Dự báo đến năm 2030, diện tích đất dành cho hoạt động khai thác khoáng sản tăng tập trung cho việc khai thác quặng khai thác đã làm vật liệu xây dựng và khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường. Khai thác khoáng sản gắn với yêu cầu phát

triển kinh tế bền vững, không làm tổn hại đến môi trường. Nhu cầu đất cho hoạt động khai thác khoáng đến năm 2030 khoảng 55,85 ha.

- Định hướng sử dụng đất có di tích lịch sử văn hóa, đất danh lam thắng cảnh: Giữ gìn, phát triển và trùng tu, bảo vệ các khu di tích, công trình lịch sử văn hóa đã được Nhà nước xếp hạng theo Luật Di sản Văn hóa nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, giá trị tinh thần của nhân dân trong huyện, và thu hút du khách.

Trong những năm tới tiếp tục thúc đẩy hoàn thiện Khu sinh thái Ngườm Lồm Nặm Khao, quy hoạch phát triển Khu du lịch cộng đồng xóm Nà Phường xã Độc Lập, quy hoạch phát triển Khu du lịch cộng đồng xóm Đoòng Pán xã Độc Lập, quy hoạch điểm du lịch Thác Thoong Rung xã Độc Lập trở thành những điểm đến hấp dẫn của du lịch; Cùng với các giải pháp đồng bộ về tổ chức hoạt động, chương trình đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường để Quảng Hòa trở thành đầu mối du lịch quan trọng của Việt Nam với Quảng Tây (Trung Quốc).

Bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá lịch sử thuộc khu vực Công viên địa chất non nước Cao Bằng như: Di tích lịch sử văn hóa Đền thờ Vua Lê, di tích thành nhà Mạc (tại thị trấn Hoà Thuận, Đoòng Lèng – Tà Lùng, Phja Khoang và Pò Tập), Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia nhà ông Lã Văn Ho, xóm Đà Vỹ Trên nơi Bác Hồ và Bộ chỉ huy chiến dịch Biên giới ở và làm việc ở thị trấn Quảng Uyên, Nhà thờ Duy Trân – xã Cách Linh, địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm dân công tình Cao Bằng khai thác vận chuyển gỗ Tà Vẹt – Nà My thuộc bản Nà Bó xã Mỹ Hưng, Nhà tưởng niệm liệt sĩ Bé Văn Đàn – xã Bé Văn Đàn, Làng văn hoá Hưng Long – TT Tà Lùng, Khu di tích Ngườm Lồm, Nà Thấm xã Mỹ Hưng, Làng làm đường phèn thị trấn Hoà Thuận. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có di tích mộ công chúa Tiên Giao, di tích bệnh viện dã chiến kéo liên,... trở thành điểm du lịch hấp dẫn ... với đầy đủ các công trình chức năng phụ trợ, đồng thời tận dụng điều kiện cảnh quan địa hình hiện trạng tự nhiên với thảm thực vật phong phú.

Đến năm 2030 diện tích đất có di tích, lịch sử - văn hóa huyện là 13,55 ha.

- Định hướng sử dụng đất bãi thải xử lý chất thải: Để bảo vệ môi trường sinh thái nói chung cũng như môi trường sống nói riêng cần bố trí các khu bãi thải, xây dựng các khu, trạm xử lý chất thải, nước thải và kiểm soát chặt chẽ các vấn đề gây ô nhiễm. Đến năm 2030 diện tích đất bãi thải toàn huyện khoảng 47,51 ha.

- Định hướng sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa: Việc bố trí nghĩa trang, nghĩa địa đảm bảo cảnh quan và vệ sinh môi trường, địa điểm bố trí cách xa khu dân cư, không ảnh hưởng vệ sinh nguồn nước, phù hợp với phong tục tập quán của người dân. Đồng thời định hướng quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng được xây dựng theo mô hình công viên nghĩa trang được phát triển

đáp ứng nhu cầu của nhân dân trên địa bàn cũng như là nhu cầu của huyện trong những năm tới. Đến năm 2030 nhu cầu đất này trong toàn huyện khoảng 113,63 ha.

*** Định hướng sử dụng đất phát triển hạ tầng**

Đất giao thông:

Với quan điểm phát triển GTVT là nhiệm vụ trọng yếu trong phát triển hạ tầng, phải được quan tâm đi trước, mạng lưới giao thông vận tải cần được ưu tiên đầu tư trước để tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội; phát triển giao thông bền vững, hiện đại và coi trọng công tác đầu tư, bảo trì và an toàn giao thông; phát triển cân đối, đồng bộ mạng lưới giao thông đối nội và đối ngoại, liên hoàn giữa các vùng trong huyện. Tập trung ưu tiên đầu tư các tuyến thuộc khu du lịch dịch vụ, kết nối các khu, cụm công nghiệp, các khu dịch vụ. Đầu tư, nâng cấp đưa vào cấp hạng kỹ thuật và cứng hoá toàn bộ hệ thống quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện cũng như đầu tư xây dựng các cầu qua sông, suối đảm bảo lưu thông thông suốt. Phân đấu đến năm 2030 toàn huyện đạt tỷ lệ cứng hóa trên 85%.

Đến năm 2030 diện tích đất giao thông là 1.679,58 ha.

Đất thủy lợi:

Nâng cấp, tu bổ hệ thống thủy lợi hiện có, đảm bảo chủ động cấp, thoát nước cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục nâng cấp và đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi nhỏ vùng núi để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, kiên cố kênh mương đảm bảo phục vụ tưới chủ động trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi.

Đến năm 2030 diện tích đất thủy lợi là 87,30 ha.

Đất cơ sở văn hóa:

Đẩy mạnh phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; xây dựng nếp sống văn hóa trong các gia đình, khu dân cư, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đẩy lùi các hủ tục, bạo lực, các tệ nạn xã hội, các sản phẩm phi văn hóa, độc hại... Khuyến khích xã hội hóa đầu tư cho các thiết chế văn hóa phục vụ cộng đồng; bảo tồn, giữ gìn, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; quan tâm đầu tư, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, cách mạng. Tạo điều kiện để phát triển mạnh mẽ phong trào thể thao quần chúng. Phân bổ đất đai đảm bảo việc xây dựng các công trình văn hóa trên địa bàn huyện ...

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở văn hóa là 9,69 ha.

Đất cơ sở y tế:

Đẩy mạnh công tác truyền thông về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn. Nâng cao chất lượng thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã; chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ y tế, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị,

nâng cao chất lượng, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; thực hiện đồng bộ các giải pháp về phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo lộ trình thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW của Trung ương.

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở y tế là 6,63 ha.

Đất cơ sở giáo dục đào tạo:

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở các bậc học và bồi dưỡng lực lượng lao động có tri thức, phẩm chất đạo đức, sức khỏe, trình độ chuyên môn nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ đổi mới. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng trường chuẩn Quốc gia. Xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu, chất lượng. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý giáo dục. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong giảng dạy và quản lý giáo dục. Tăng cường trang thiết bị dạy học, đảm bảo điều kiện triển khai thực hiện tốt chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở giáo dục - đào tạo là 44,40 ha.

Đất cơ sở thể dục thể thao:

Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng. Tổ chức thường xuyên các giải thi đấu thể thao kỷ niệm các ngày lễ lớn theo kế hoạch, thành lập đội tuyển, tổ chức huấn luyện tham gia thi đấu các giải đấu thể thao.

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở thể dục - thể thao là 20,03 ha.

Đất chợ:

Triển khai thực hiện các cơ chế chính sách để khuyến khích phát triển các loại hình thương mại, tiếp tục phát huy lợi thế khu kinh tế cửa khẩu, tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu và hạ tầng thương mại để thu hút đầu tư. Thực hiện tốt công tác quản lý các chợ trên địa bàn.

Đến năm 2030 diện tích đất chợ là 1,36 ha.

1.2.3. Định hướng khai thác sử dụng đất chưa sử dụng

Trên quan điểm khai thác triệt để quỹ đất, dự kiến trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 sẽ khai thác phần diện tích có khả năng cải tạo để đưa vào sử dụng cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội. Đến năm 2030 sẽ còn 992,45 ha.

1.2.4. Định hướng phát triển khu đô thị

Từ năm 2021 - 2030 tập trung đầu tư hoàn thành xây dựng đô thị Phục Hòa đạt tiêu chí đô thị loại IV. Đầu tư cơ sở hạ tầng để hoàn thiện thêm các tiêu chí đô thị loại IV đô thị Quảng Uyên.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất theo phương án quy hoạch

Thực hiện Văn bản số 1565/UBND-NĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Cao Bằng Về việc cho chủ trương lập kế hoạch sử dụng đất tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021- 2025 cấp tỉnh; Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

UBND huyện Quảng Hòa xây dựng quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, như sau:

Bảng: Biến động các loại đất trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích QH năm 2030	So sánh tăng (+) giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		66.894,61	66.894,61	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	62.145,19	61.436,45	-708,75
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.691,40	4.525,22	-166,18
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	<i>2,30</i>	<i>2,30</i>	<i>0,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8.665,21	8.424,71	-240,50
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	230,92	203,37	-27,55
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	36.790,87	36.536,82	-254,05
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	464,82	464,82	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	11.234,78	11.214,50	-20,28
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	65,96	65,28	-0,68
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	1,23	1,73	0,50
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.726,85	4.465,72	738,87
2.1	Đất quốc phòng	CQP	159,05	257,30	98,25
2.2	Đất an ninh	CAN	1,75	21,11	19,36
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,72	0,72	0,00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT		0,00	0,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN		25,00	25,00
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,23	55,10	52,87
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	134,39	132,63	-1,76
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	45,85	55,85	10,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.666,66	2.147,31	480,65
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	0,13	13,55	13,42
2.11	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL		17,75	17,75
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	33,56	47,51	13,95
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	629,99	646,16	16,17
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	179,42	182,13	2,71
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,04	20,90	5,86
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,43	1,51	1,08
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN		0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	3,37	3,96	0,59
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	100,59	113,63	13,04
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	20,65	24,82	4,17
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,33	14,10	5,77

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích QH năm 2030	So sánh tăng (+) giảm (-)
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,52	4,82	1,30
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,29	5,38	0,09
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	622,21	580,83	-41,38
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	93,40	93,38	-0,02
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,30	0,30	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.022,58	992,45	-30,13

2.1.1. Đất nông nghiệp:

Năm 2030 đất nông nghiệp có diện tích 61.436,45 ha, chiếm 91,84 % diện tích tự nhiên, thực giảm 708,74 ha, so với năm 2020 có 62.145,19 ha. Diện tích đất nông nghiệp không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 61.436,45 ha. Phân bố tại: thị trấn Hòa Thuận 3.234,09 ha, thị trấn Quảng Uyên 1.622,77 ha, thị trấn Tà Lùng 498,03 ha, xã Bế Văn Đàn 3.840,52 ha, xã Cách Linh 4.450,69 ha, xã Cai Bộ 3.851,01 ha, xã Chí Tháo 2.600,52 ha, xã Đại Sơn 3.529,08 ha, xã Độc Lập 3.369,98 ha, xã Hạnh Phúc 3.731,74 ha, xã Hồng Quang 2.664,33 ha, xã Mỹ Hưng 3.663,25 ha, xã Ngọc Động 4.491,55 ha, xã Phi Hải 4.776,94 ha, xã Phúc Sen 2.901,81 ha, xã Quảng Hưng 2.314,88 ha, xã Quốc Toàn 2.813,90 ha, xã Tiên Thành 3.664,29 ha, xã Tự Do 3.417,08 ha.

Cụ thể biến động các loại đất như sau:

2.1.1.1- Đất trồng lúa năm 2030 là 4.525,22 ha, chiếm 7,37 % diện tích tự nhiên, giảm 166,18 ha so với năm 2020 có 4.691,40 ha. Diện tích đất lúa không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 4.525,22 ha.

Diện tích đất lúa giảm 166,18 ha so với năm 2020.

2.1.1.2- Đất trồng cây hàng năm khác năm 2030 diện tích là 8.424,71 ha, chiếm 13,71 % diện tích tự nhiên, thực giảm 240,50 ha, so với năm 2020 có 8.665,21 ha. Diện tích đất trồng cây hàng năm khác không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 8.424,71 ha.

2.1.1.3- Đất trồng cây lâu năm 2030 là 203,37 ha, chiếm 0,33 % diện tích tự nhiên, thực giảm 27,55 ha so với năm 2020 có 230,92 ha. Diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích trong kỳ quy hoạch là 203,37 ha.

2.1.1.4- Đất rừng phòng hộ năm 2030 là 36.536,82 ha, giảm 254,52 ha so với năm 2020, giảm do chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp.

2.1.1.5- Đất rừng đặc dụng năm 2030 là 464,82 ha, giữ nguyên hiện trạng.

2.1.1.6- Đất rừng sản xuất năm 2030 là 11.214,50 ha, thực giảm 20,28 ha so với năm 2020.

2.1.1.7- Đất nuôi trồng thủy sản năm 2030 là 65,28 ha, thực giảm 0,68 ha so với hiện trạng.

2.1.1.8- Đất nông nghiệp khác đến năm 2030 là 1,73 ha, tăng 0,5 ha so với năm 2020. Diện tích tăng để thực hiện công trình xây dựng khu giết mổ tập trung tại thị trấn Hòa Thuận.

2.1.2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2030 diện tích đất phi nông nghiệp là 4.465,72 ha, thực tăng 738,87 ha so với năm 2020. Diện tích phi nông nghiệp tăng lên được lấy từ:

- Đất trồng lúa 166,18 ha,
- Đất trồng cây hàng năm khác 240,30 ha,
- Đất trồng cây lâu năm 27,25 ha,
- Đất rừng phòng hộ 254,05 ha,
- Đất rừng sản xuất 20,28 ha,
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,68 ha,
- Đất chưa sử dụng 30,13 ha.

Cụ thể biến động các loại đất như sau:

2.1.2.1- Đất quốc phòng năm 2030 diện tích là 257,30 ha, thực tăng 98,25 ha.

Diện tích đất quốc phòng tăng 98,75 ha để thực hiện 22 công trình quốc phòng trên địa bàn huyện.

Đồng thời, trong kỳ quy hoạch diện tích đất quốc phòng cũng giảm 0,5 ha, do chuyển sang đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp để thực hiện công trình Đấu giá Khu đất Quốc phòng (đoàn 82 cũ), thị trấn Hòa Thuận.

2.1.2.2- Đất an ninh năm 2030 diện tích là 21,11 ha, tăng 19,36 ha. Diện tích đất an ninh tăng để thực hiện 19 trụ sở công an xã, thị trấn và Trung đội cảnh sát cơ động thị trấn Hòa Thuận; Trạm tạm giam, tạm giữ công an (thị trấn Hòa Thuận); Trại tạm giam, trung tâm huấn luyện cho lực lượng công an, cảnh sát giao thông, đội cảnh sát cơ động huyện Quảng Uyên; Trụ sở cảnh sát giao thông TT Tà Lùng; Phòng cháy chữa cháy TT Tà Lùng; Mở rộng trạm công an cửa khẩu Tà Lùng (phía sau hải quan).

2.1.2.3- Đất khu công nghiệp đến năm 2030 là 0,72 ha, không biến động.

2.1.2.4- Đất cụm công nghiệp đến năm 2030 là 25,00 ha, để thực hiện dự án: Cụm Công nghiệp Miền Đông I thị trấn Tà Lùng.

2.1.2.4- Đất thương mại, dịch vụ năm 2030 là 55,10 ha, tăng 52,87 ha so với hiện trạng. Diện tích tăng lên để thực hiện các dự án tiêu biểu như:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)
-----	-----------------------	-----------	-----------------------

1	Xây dựng siêu thị trong khu đô thị Pác Cam - Pác Cúng thị trấn Quảng Uyên	0,70	TT Quảng Uyên
2	Xây mới kho trung chuyển hàng hóa tại xóm Đồng Ất, thị trấn Quảng Uyên (khu dịch vụ bến bãi); Cảng cạn Đồng Ất	43,70	TT Quảng Uyên
3	Khu tổ hợp dịch vụ thương mại thị trấn Quảng Uyên	0,90	TT Quảng Uyên
4	Quy hoạch khu trung tâm dịch vụ thương mại thị trấn Quảng Uyên	1,18	TT Quảng Uyên
5	Đầu giá trung tâm thương mại, cửa khẩu Tà Lùng huyện Quảng Hòa	2,21	TT Tà Lùng
6	Một phần lô đất số 38 (Lô đất quy hoạch chức năng Dịch vụ thương mại nội địa) (QH-04)	0,65	TT Tà Lùng
7	Xây dựng khu thương mại dịch vụ TT Tà Lùng	2,53	TT Tà Lùng
8	Bến bãi bốc xếp và địa điểm kiểm tra hàng hóa xnh khẩu tập trung, bãi kiểm hóa, kho ngoại quan, kho bãi hàng hóa (Công ty TNHH xuất nhập khẩu Đạt Anh Cao Bằng)	0,40	TT Tà Lùng
9	Cây xăng Bản Co xã Bé Văn Đàn	0,10	Xã Bé Văn Đàn
10	Quy hoạch đất thương mại dịch vụ xã Quốc Toản	0,50	Xã Quốc Toản

2.1.2.4- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2030 là 132,63 ha, tăng 12,22 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp) không phải là đất ở	0,10	TT Hòa Thuận
2	Khu đất Quốc phòng (đoàn 82 cũ), thị trấn Hòa Thuận	0,50	TT Hòa Thuận
3	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp) không phải là đất ở	0,10	TT Quảng Uyên
4	Khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp	2,00	TT Quảng Uyên
5	Nhà máy sản xuất, chế biến dạng bột alumin Tà Lùng	5,00	TT Tà Lùng
6	Một phần lô đất công nghiệp CN-02 (bản vẽ QH-05)	1,28	TT Tà Lùng
7	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp) không phải là đất ở	0,10	TT Tà Lùng
8	Quy hoạch khu tiểu thủ công nghiệp xã Hạnh Phúc	1,00	Xã Hạnh Phúc
9	Dự án nâng công suất, mở rộng diện tích nhà máy chế biến Ferromangan-silicomangan	2,14	Xã Quốc Toản

Đồng thời giảm 13,98 ha do chuyển sang đất cụm công nghiệp.

2.1.2.5- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2030 là 55,85 ha, thực tăng 10,00 ha. Diện tích tăng để thực hiện công trình Mỏ Mangan Pò Viên (xã Quốc Dân cũ)-xã Phúc Sen.

2.1.2.6- Đất phát triển hạ tầng năm 2030 là 2.147,31 ha, thực tăng 480,65 ha, so với hiện trạng. Cụ thể các loại đất như sau:

+ Đất giao thông năm 2030 diện tích là 1.679,58 ha, diện tích thực tăng 388,40 ha để thực hiện các 348 công trình, dự án đất giao thông.

+ Đất thủy lợi năm 2030 diện tích là 87,30 ha, diện tích thực tăng 1,26 ha để thực hiện 57 công trình, dự án.

+ Đất công trình năng lượng năm 2030 diện tích là 296,11 ha, thực tăng 72,93 ha. Diện tích tăng là để thực hiện các công trình, dự án:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Thủy điện Khuổi Luông, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng (Hạng mục lòng hồ)	15,48	Xã Cách Linh
2	Thủy điện Khuổi Luông, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng (Hạng mục lòng hồ)	52,42	Xã Bế Văn Đàn
3	Trạm BA + Đường dây Thang Sập - Lũng Luộc xóm Hòa Bình xã Cai Bộ	0,01	Xã Cai Bộ
4	Nâng cấp hệ thống điện xóm Đồng Khuôn 2	0,01	Xã Độc Lập
5	Nâng cấp hệ thống điện xóm Nà Lèng	0,01	Xã Độc Lập
6	Chống quá tải các trạm biến áp Quảng Hòa 4, Lạc Giao, Bình Lãng, Hồng Định và cấp điện xóm Lũng Lu	0,02	Xã Hạnh Phúc
7	Xây dựng cột, nâng cấp dây điện xóm Lũng Tón, Lũng Nội, Lũng Ổ, Lũng Sạng xã Hồng Quang	0,03	Xã Hồng Quang
8	Xây mới trạm biến áp xã Ngọc Động	0,01	Xã Ngọc Động
9	Thủy điện Tiên Thành	5,00	Xã Tiên Thành

+ Đất công trình bưu chính viễn thông năm 2030 diện tích là 2,21 ha, diện tích tăng là để thực hiện các công trình, dự án:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Bru điện cửa khẩu Tà Lùng	0,01	TT Tà Lùng
2	Xây mới buro điện xã Hạnh Phúc	0,05	Xã Hạnh Phúc
3	Xây mới buro điện xã Hồng Quang	0,04	Xã Hồng Quang
4	Xây mới trạm phát sóng điện thoại xã Hồng Quang	0,02	Xã Hồng Quang
5	Mở rộng buro điện xã Ngọc Động	0,01	Xã Ngọc Động
6	Xây mới trạm phát sóng vina xã Quốc dân cũ nay là Phúc Sen	0,02	Xã Phúc Sen
7	Xây mới buro điện xã Quảng Hưng	0,20	Xã Quảng Hưng

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2030 diện tích là 9,69 ha, Diện tích tăng 5,83 ha, để thực hiện các công trình, dự án:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Xây dựng quảng trường trung tâm huyện (giai đoạn 2)	1,20	TT Hòa Thuận
2	Xây dựng Bảo tàng mía đường Bó Tờ	0,03	TT Hòa Thuận
3	Nhà bia tưởng niệm thị trấn Hòa Thuận	1,50	TT Hòa Thuận
4	Nhà văn hóa trung tâm huyện Quảng hòa	1,50	TT Quảng Uyên

5	Xây dựng Quảng trường (và cùng vị trí của sân vận động Quảng Uyên)	0,21	TT Quảng Uyên
6	Xây dựng biểu tượng vườn hoa Quảng Uyên	0,57	TT Quảng Uyên
7	Mở rộng nhà bia tưởng niệm xã Cách Linh	0,43	Xã Cách Linh
8	Xây mới bia tưởng niệm xã Hồng Quang	0,05	Xã Hồng Quang
9	Bru điện văn hóa xã Quảng Hưng	0,10	Xã Quảng Hưng
10	Xây dựng Biển chỉ dẫn Du lịch Homestay, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa chỉ cấm biển		Xã Tiên Thành
11	Xây dựng Công chào, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa	0,02	Xã Tiên Thành
12	Xây dựng Hội trường đa năng xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa	0,17	Xã Tiên Thành
13	Quy hoạch nhà bia tưởng niệm xã Tự Do	0,05	Xã Tự Do

+ Đất xây dựng cơ sở y tế năm 2030 diện tích là 6,63 ha, diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Nâng cấp mở rộng trung tâm y tế huyện Quảng Hòa	0,15	TT Quảng Uyên
2	Dự án Nhà trạm y tế xã Chí Thảo, huyện Quảng Hòa	0,07	Xã Chí Thảo
3	Quy hoạch trạm y tế xã Phúc Sen	0,10	Xã Phúc Sen

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo năm 2030 diện tích là 44,40 ha, diện tích tăng 1,16 ha để thực hiện các công trình, dự án:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Quy hoạch trường mầm non Tà Lùng	0,25	TT Tà Lùng
2	Trường THCS Tà Lùng	0,50	TT Tà Lùng
3	Nhà công vụ giáo viên trường tiểu học (Hồng Đại cũ giờ chuyển sang Cách Linh)	0,15	Xã Cách Linh
4	Trường THCS Bình Lãng	0,15	Xã Độc Lập
5	Mở rộng trường mầm non xã Hồng Quang	0,03	Xã Hồng Quang
6	Trường tiểu học và THCS Quốc Dân xã Phúc Sen	0,08	Xã Phúc Sen

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2030 diện tích là 20,03 ha, tăng 14,66 ha để thực hiện các công trình dự án:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Sân vận động huyện TT Hòa Thuận	4,00	TT Hòa Thuận
2	Sân vận động Quảng Uyên	1,50	TT Quảng Uyên
3	Sân vận động Tà Lùng	3,00	TT Tà Lùng
4	Khu thể thao xã Cai Bộ	1,10	Xã Cai Bộ
5	Xây mới sân vận động trung tâm xã Chí Thảo	0,40	Xã Chí Thảo
6	Xây mới SVD trung tâm xã Hạnh Phúc	1,40	Xã Hạnh Phúc
7	Khu thể thao xã Hồng Quang	0,38	Xã Hồng Quang

			Quang
8	Sân thể thao xã Mỹ Hưng (gồm cả khu vui chơi)	0,15	Xã Mỹ Hưng
9	Xây mới khu thể thao xã Ngọc Động	0,40	Xã Ngọc Động
10	Quy hoạch sân thể thao xã Phi Hải	0,30	Xã Phi Hải
11	Sân thể thao xóm Dìa Dưới xã Phúc Sen	0,10	Xã Phúc Sen
12	Sân thể thao Tòng Lặng Khào xã Phúc Sen	0,30	Xã Phúc Sen
13	Xây mới sân thể thao xã Quảng Hưng	0,30	Xã Quảng Hưng
14	Sân vận động Quốc Toàn	1,13	Xã Quốc Toàn
15	Sân thể thao xã Tiên Thành	0,20	Xã Tiên Thành

+ Đất chợ năm 2030 diện tích là 1,36 ha, diện tích tăng 1,33 ha để thực hiện quy hoạch các chợ:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Xây dựng chợ nông sản trong khu đô thị Pác Cam-Pác Cúng thị trấn Quảng Uyên	0,50	TT Quảng Uyên
2	Xây mới chợ Háng Châu	0,30	Xã Cai Bộ
3	Mở rộng chợ xã Ngọc Động	0,15	Xã Ngọc Động
4	Mở rộng chợ xã Phi Hải	0,08	Xã Phi Hải
5	Quy hoạch chợ nông sản Phúc Sen	0,20	Xã Phúc Sen
6	Chợ nông thôn xã Tiên Thành	0,10	Xã Tiên Thành

2.1.2.7- Đất di tích lịch sử văn hóa năm 2030 là 13,55 ha, tăng 13,42 ha so với năm 2020 để thực hiện các công trình:

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
1	Di tích lịch sử văn hóa Đền thờ Vua Lê	0,02	TT Hòa Thuận
2	Tôn tạo di tích Thành nhà Mạc	0,02	TT Hòa Thuận
3	Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia nhà ông Lã Văn Ho, xóm Đà Vỹ Trên nơi Bác Hồ và Bộ chỉ huy chiến dịch Biên giới ở và làm việc	0,31	TT Quảng Uyên
4	Khu di tích lịch sử Đảng (thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của Hồng Đại cũ giờ là Cách Linh)	0,40	Xã Cách Linh
5	Khu di tích Nhà My xã Mỹ Hưng	0,50	Xã Mỹ Hưng
6	Tôn tạo di tích công trường Tà Vẹt Nhà My xã Mỹ Hưng	0,05	Xã Mỹ Hưng
7	Khoanh vùng, tôn tạo di tích mộ Công chúa Tiên Giao Nhà Mạc xã Tiên Thành	0,12	Xã Tiên Thành
8	Khoanh vùng tôn tạo di tích bệnh viện dã chiến Kéo Mẻ Lìn xã Tiên Thành	12,00	Xã Tiên Thành

2.1.2.8- Đất danh lam thắng cảnh năm 2030 là 17,75 ha, tăng 17,75 ha so với năm 2020. Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án:

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
1	Quy hoạch phát triển Khu du lịch cộng đồng xóm Nhà Phường	2,00	Xã Độc Lập
2	Quy hoạch phát triển Khu du lịch cộng đồng xóm	3,00	Xã Độc Lập

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
	Đoông Pán		
3	Quy hoạch điểm du lịch Thác Thoong Rung xã Độc Lập	1,50	Xã Độc Lập
4	Khu du lịch Ngườm Lôm-Nậm Khao	11,25	Xã Mỹ Hưng

2.1.2.9- Đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2030 là 47,51 ha, trong kỳ quy hoạch 13,95 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án:

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
1	Bãi xử lý rác thải rắn (QĐ 2324/QĐ-UBND ngày 23/12/2013)	4,00	TT Hòa Thuận
2	Hệ thống thu gom, xử lý tập trung nước thải sinh hoạt TT QU	0,10	TT Quảng Uyên
3	Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	0,10	TT Tà Lùng
4	Bãi xử lý chất thải sinh hoạt (QĐ 2324/QĐ-UBND ngày 23/12/2013) xã Triệu Âu cũ nay là xã Bế Văn Đàn	2,00	Xã Bế Văn Đàn
5	Bãi thải, xử lý chất thải tại Lũng Loa, Nà Nhai xã Hồng Đại cũ nay là xã Cách Linh	1,50	Xã Cách Linh
6	Xây mới khu thu gom và xử lý chất thải xã Hạnh Phúc	2,10	Xã Hạnh Phúc
7	Xây mới khu thu gom và xử lý chất thải xã Hồng Quang	1,00	Xã Hồng Quang
8	Xây mới khu thu gom và xử lý chất thải xã Ngọc Động	1,00	Xã Ngọc Động
9	Bãi thu gom, xử lý chất thải xã Quốc Toàn	0,15	Xã Quốc Toàn
10	Bãi xử lý chất thải sinh hoạt (QĐ 2324/QĐ-UBND ngày 23/12/2013) xã Tiên Thành	2,00	Xã Tiên Thành

2.1.2.10- Đất ở tại nông thôn năm 2030 là 646,16 ha, diện tích tăng 21,18 ha, để thực hiện chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở trên địa bàn 16 xã.

2.1.2.11- Đất ở tại đô thị năm 2030 là 182,13 ha, tăng 7,76 ha so với năm 2020. Để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị của 3 thị trấn.

2.1.2.12- Đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2030 là 20,90 ha, tăng 6,11 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án:

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
1	Trụ sở hạt kiểm lâm thị trấn Hòa Thuận	0,20	TT Hòa Thuận
2	Xây dựng phòng GD&ĐT thị trấn Hòa Thuận	0,10	TT Hòa Thuận
3	Kho vật chứng chi cục thi hành án dân sự thị trấn Hòa Thuận	0,12	TT Hòa Thuận
4	Xây mới UBND-HĐND thị trấn Quảng Uyên	0,20	TT Quảng Uyên
5	Quỹ đất xây dựng trụ sở cơ quan trên địa bàn thị trấn Quảng Uyên	3,63	TT Quảng Uyên
6	Trụ sở người Mù	0,10	TT Quảng Uyên

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
7	Trụ sở hạt kiểm lâm thị trấn Quảng Uyên	0,05	TT Quảng Uyên
8	Trụ sở làm việc TT Tà Lùng	0,89	TT Tà Lùng
9	Nhà kiểm soát liên hợp đầu cầu II Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng	0,78	TT Tà Lùng
10	Mở rộng Trụ sở làm việc UBND xã Cách Linh	0,04	Xã Cách Linh

2.1.2.13- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2030 là 1,51 ha, tăng 1,08 ha để thực hiện các công trình, dự án:

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
1	Trạm quản lý chất lượng nông lâm thủy sản TT Hòa Thuận	0,05	TT Hòa Thuận
2	Xây mới trạm truyền tinh nhân tạo TT Quảng Uyên	0,79	TT Quảng Uyên
3	Xây dựng mới trụ sở bảo hiểm xã hội huyện Quảng Uyên	0,24	TT Quảng Uyên

2.1.2.14- Đất cơ sở tôn giáo năm 2030 là 3,96 ha, tăng 0,59 ha. Diện tích tăng là để thực hiện:

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
1	Xây dựng Đền thờ tiếng Đinh Văn Tả, xã Tiên Thành, huyện Quảng Hòa	0,04	Xã Tiên Thành
2	Điện thờ công chúa Nàng Hai xã Tiên Thành	0,05	Xã Tiên Thành
3	Xây dựng mới công trình Quảng Uyên thiên phúc tự	0,50	TT Quảng Uyên

2.1.2.15- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2030 là 113,63 ha, trong kỳ quy hoạch tăng 13,54 ha để thực hiện:

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
1	Mở mới khu nghĩa địa Tà Lùng	4,90	TT Tà Lùng
2	Mở rộng nghĩa địa xã Cai Bộ	0,30	Xã Cai Bộ
3	Mở rộng nghĩa địa xã Chí Thào	0,30	Xã Chí Thào
4	Mở mới nghĩa địa Đại Sơn	4,80	Xã Đại Sơn
5	Quy hoạch nghĩa trang trung tâm xã Hạnh Phúc	0,30	Xã Hạnh Phúc
6	Mở rộng nghĩa địa xã Hồng Quang	0,32	Xã Hồng Quang
7	Mở rộng nghĩa địa xã Ngọc Động	2,00	Xã Ngọc Động
8	Mở rộng nghĩa địa xã Phi Hải	0,30	Xã Phi Hải
9	Mở rộng nghĩa địa xã Phúc Sen	0,32	Xã Phúc Sen

2.1.2.16- Đất sản xuất vật liệu xây dựng năm 2030 là 24,82 ha, tăng 4,20 ha để thực hiện các công trình, dự án:

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích	Địa điểm (cấp xã)
1	Mỏ đá Đồng Không Giáo - xóm Bản Chu xã Đại Sơn	0,70	Xã Đại Sơn
2	Mỏ đá Keng Khuống xã Đại Sơn	2,00	Xã Đại Sơn
3	Mỏ đất sét Bản Làng xã Quảng Hưng	1,00	Xã Quảng Hưng
4	Mỏ đá Keng Phác - xã Quảng Hưng	0,50	Xã Quảng Hưng

2.1.2.17- Đất sinh hoạt cộng đồng năm 2030 là 14,10 ha, tăng 5,77 ha để thực hiện các công trình nhà văn hóa và nhà văn hóa thôn xóm trên địa bàn huyện.

2.1.2.18- Đất khu vui chơi giải trí công cộng năm 2030 là 4,82 ha, tăng 1,30 ha để thực hiện các công trình, dự án: Công viên cửa khẩu Tà Lùng.

2.1.2.19- Đất cơ sở tín ngưỡng năm 2030 là 5,38 ha, tăng 0,11 ha. Để thực hiện các công trình, dự án: Tu bổ, phục hồi Miếu Bách Linh thị trấn Quảng Uyên, Mở rộng đền Trần Duy Trân xã Cách Linh.

2.1.2.20- Đất sông, ngòi, kênh rạch, suối năm 2030 là 580,83 ha, giảm 41,38 ha, do chuyển sang: Đất giao thông 7,08 ha, đất công trình năng lượng 31,80 ha, đất danh lam thắng cảnh 2,50 ha.

2.1.2.21- Đất có mặt nước chuyên dùng năm 2030 là 93,38 ha, giảm 0,02 ha, do chuyển sang: Đất giao thông.

2.3. Đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng năm 2030 là 992,45 ha, giảm 30,13 ha, do chuyển sang:

Đất Quốc phòng 4,54 ha, đất cụm công nghiệp 0,36 ha, đất thương mại, dịch vụ 5,07 ha, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,37 ha, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 0,26 ha, Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 18,74 ha, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,79 ha.

2.4. Chuyển mục các loại đất chuyển mục đích thời kỳ 2021-2030

2.4.1. Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp trong kỳ quy hoạch 2021-2030 là 708,74 ha. Bao gồm các loại đất:

- Đất trồng lúa nước: 4166,18 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác: 240,30 ha.
- Đất trồng cây lâu năm 27,25 ha
- Đất rừng phòng hộ: 254,05 ha.
- Đất rừng sản xuất: 20,28 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,68 ha.

2.4.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp trên địa bàn không có.

2.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong năm kỳ quy hoạch 2021-2030 diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 30,13 ha. Trong đó:

- Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho đất phi nông nghiệp là 30,13ha, cho các loại đất cụ thể sau:

- + Đất quốc phòng là 4,54 ha.

- + Đất cụm công nghiệp 0,36 ha,
- + Đất thương mại, dịch vụ 5,07 ha,
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,37 ha,
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 0,26 ha.
- + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là 18,74 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp 0,79 ha.

PHẦN IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đề phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Quảng Hòa thời kỳ 2021 - 2030 đi vào thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu đất đai cho các ngành, các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đất đai, tài nguyên môi trường được bảo vệ ngày một tốt hơn, cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính sau:

*** Giải pháp về chính sách**

- Thực hiện tốt các chủ trương chính sách về giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn, bản sử dụng đất lâu dài và ổn định, trồng rừng quản lý rừng bền vững, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng trên 60%;

- Thực hiện tốt chính sách trong đền bù giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất của nhân dân, giải quyết tranh chấp đất đai theo Luật định, chuyển mục đích sử dụng đất theo phương án quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

- Quản lý, giám sát chặt chẽ, điều chỉnh kịp thời quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo phù hợp với yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

*** Giải pháp vốn đầu tư**

- Tiếp tục duy trì và cân đối nguồn thu ngân sách từ đất đai để hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện;

- Sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và tranh thủ các nguồn vốn hợp pháp từ các chương trình, dự án của Chính phủ và các tổ chức phi Chính phủ để đầu tư cho các cơ sở hạ tầng như: Giao thông, thủy lợi, xây dựng cơ bản, trường học, y tế ... cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; kêu gọi, thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước thực hiện các dự án theo quy hoạch được duyệt;

- Kêu gọi đầu tư, đề xuất chủ trương đầu tư phát triển các khu, cụm công

nghiệp và các dự án khác trên địa bàn, khuyến khích các nhà đầu tư tự thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người dân trước khi triển khai thực hiện dự án.

*** Giải pháp về khoa học và công nghệ**

- Tập trung đầu tư trang thiết bị, ứng dụng kịp thời tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin trong công tác quản lý, sử dụng đất.
- Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp đầu tư phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái.

*** Giải pháp tổ chức hành chính**

Sau khi quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, UBND huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch và giao trách nhiệm cho các phòng, ban chức năng, UBND các xã có nhiệm vụ thực hiện theo phương án quy hoạch sử dụng đất đã đề ra. Trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất đưa chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện, tạo đà cho sự phát triển toàn diện.

*** Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

- Sử dụng đất trong các dự án phải có phương án bảo vệ môi trường, hoàn trả hiện trạng mặt đất sau khi kết thúc dự án, nhất là các khu khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng...;
- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để người dân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả cao đi đôi với phát triển bền vững;
- Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường; giữa sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường đất, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân trong quá trình sử dụng đất;
- Đầu tư các công trình xử lý chất thải ở các khu công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị đảm bảo chất thải được xử lý đủ tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

II. XÁC ĐỊNH CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

- Công bố công khai tại UBND huyện Quảng Hòa, UBND cấp xã, thị trấn. Thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, truyền hình toàn bộ nội dung về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện sau khi được xét duyệt;
- Đảm bảo dân chủ, công khai và minh bạch trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Các cấp, các ngành triển khai nhiệm vụ quy hoạch sử dụng đất đảm bảo khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên đất hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
- Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất, thường xuyên cập nhật các thông tin về khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất để kịp thời báo cáo, đề xuất các giải pháp xử lý phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quảng Hòa và quy hoạch tỉnh Cao Bằng đến năm 2030.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN:

Quy hoạch sử dụng đất huyện Quảng Hòa thời kỳ 2021 - 2030, thể hiện chiến lược sử dụng đất của huyện. Có ý nghĩa quan trọng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội là công cụ quan trọng để UBND huyện thực hiện quản lý đất Nhà nước về đất đai theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Là căn cứ để thực hiện: giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu đất đai để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

II. KIẾN NGHỊ:

Đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030, xem xét cho ý kiến thẩm định quy hoạch sử dụng đất huyện Quảng Hòa thời kỳ 2021 - 2030. UBND huyện tiếp thu, bổ sung vào quy hoạch, đề phương án quy hoạch sử dụng đất huyện Quảng Hòa 2021 - 2030 đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất thực tiễn trên địa bàn cũng như thực hiện công trình dự án cấp tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện Quảng Hòa. Đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.